

# 제 75 회 한국어능력시험 응시원서

## The 75th Test of Proficiency in Korean Application Form

※ 접수번호 Application No.: \_\_\_\_\_ (Xem hướng dẫn cách điền ở mặt sau)

① 시험 수준 Test Level	한국어능력시험 (TOPIK)	TOPIK I	<input type="checkbox"/>	사진  Photograph  (3 cm×4 cm)
		TOPIK II	<input type="checkbox"/>	
② 수험번호 Registration No.	0 1 3 0 1	0 1		
③ 응시지역 Testing Area	베트남 호치민			
성명 Name	성 + 이름 Surname & Given Name	⑥ 성별 Gender	⑦ 국적 Nationality	⑧ 직업 Occupation
④ 한 글 Korean		<input type="checkbox"/> 남자 <Male>		<input type="checkbox"/> 1. 학생(Student) <input type="checkbox"/> 2. 공무원(Civil Servant) <input type="checkbox"/> 3. 회사원(Company Employee) <input type="checkbox"/> 4. 자영업(Self-employer) <input type="checkbox"/> 5. 주부(Housewife) <input type="checkbox"/> 6. 교사(Teacher) <input type="checkbox"/> 7. 무직(Unemployed) <input type="checkbox"/> 8. 기타(Other)
⑤ 영문 Legal Name in English				
⑨ 생년월일 Date of Birth	년 월 일 (만 세) / / (yyyy/mm/dd) (Age: )	<input type="checkbox"/> 여자 <Female>	재외동포( ) Overseas Korean	( )
⑩ 주소 Address		우편번호 Postal Code		
전화번호 Telephone	자택 Home	핸드폰 Mobile		
이메일 E-mail	@			
⑪ 응시동기(접근매체) How did you hear about TOPIK?	<input type="checkbox"/> 1. 방송 Broadcasting	<input type="checkbox"/> 2. 신문 Newspaper	<input type="checkbox"/> 3. 잡지 Magazine	
	<input type="checkbox"/> 4. 교육기관 Educational Institute	<input type="checkbox"/> 5. 포스터 Poster	<input type="checkbox"/> 6. 친지 Acquaintance	
	<input type="checkbox"/> 7. 친구 Friend	<input type="checkbox"/> 8. 인터넷 Internet	<input type="checkbox"/> 9. 기타 Other( )	
⑫ 응시목적 Reasons for taking the TOPIK	<input type="checkbox"/> 1. 유학 Study Abroad	<input type="checkbox"/> 2. 취업 Employment	<input type="checkbox"/> 3. 관광 Sightseeing	
	<input type="checkbox"/> 4. 학술연구 Research	<input type="checkbox"/> 5. 실력확인 Examine Korean Language Ability	<input type="checkbox"/> 6. 한국문화이해 Understanding of Korean Cultures	
	<input type="checkbox"/> 7. 기타 Other( )	<input type="checkbox"/> 8. 영주권 및 비자 취득 VISA	<input type="checkbox"/> 9. 학점 취득 School credit	
	<input type="checkbox"/> 10. 사회통합 프로그램 Korea Immigration & Integration Program (KIIP)			

※ 시험에 관한 규정을 준수할 것이며, 이를 위반할 경우 관련 규정에 의한 행정적 제재를 감수할 것을 서약합니다. (I pledge to comply with the policy and regulation of TOPIK. If not, I shall accept any administrative restriction made by TOPIK Division)

※ 시험 응시에 관하여 개인정보 수집 및 이용, 제3자 제공에 동의합니다 (I give my consent to TOPIK Division & affiliated institution to collect and use my personal information for TOPIK)

Applicant's name: \_\_\_\_\_

(signature) \_\_\_\_\_

## 제 75 회 한국어능력시험 수험표 The 75th TOPIK Identification Slip

⑬ 시험일 Date of Test	2021.04.11 (일)	⑭ 수험번호 Registration No.	0	1	3	0	1	0	1
사진  Photograph  (3 cm×4 cm)	⑮ 시험수준 Test Level	⑯ 응시지역 Testing Area		⑰ 시험장 Testing Place					
		베트남 호치민		한국국제학교/Trường Quốc tế Hàn Quốc					
	⑱ 성명 Name		⑲ 성별 Gender(M/F)		⑳ 생년월일 Date of Birth(yyyy/mm/dd)				
	한글 (Korean)								
영문 (English)									

# HƯỚNG DẪN ĐIỀN GIẤY ĐĂNG KÝ

Bấm CMND / hộ chiếu  
**Ở ĐÂY**  
Bấm trang có hình quay ra  
mặt này

## Thí sinh làm đúng theo hướng dẫn dưới đây:

- (1) Đánh dấu chọn cấp độ thi vào 1 trong 2 ô  Topik I hoặc Topik II. Trường hợp thí sinh thi cả 2 cấp độ thi phải viết riêng mỗi tờ 1 cấp độ
  - (2) **Số báo danh, do Ban tổ chức điền**
  - (3) **Phần dành cho Ban tổ chức, thí sinh để trống**
  - (4) Điền đầy đủ họ tên được phiên âm sang tiếng Hàn
  - (5) Điền tên tiếng Việt không dấu (tên thể hiện trong CMND hoặc Hộ chiếu)
  - (6) Đánh dấu chọn giới tính vào 1 trong 2 ô
  - (7) Điền quốc tịch (bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh)
  - (8) Đánh dấu vào ô  để chọn 1 trong 7 nghề nghiệp có sẵn. Trường hợp làm nghề khác ngoài 7 nghề đó thì điền vào phần để trống trong ngoặc đơn ( )
  - (9) Điền ngày tháng năm sinh vào 1 trong 2 dòng tiếng Anh và tiếng Hàn, và điền số tuổi vào phần trống trong ngoặc đơn ( )
  - (10) Điền số điện thoại liên hệ trực tiếp vào ô 핸드폰/Mobile và chỗ ở hiện tại (tỉnh / thành phố) vào 주소/Address. Các phần khác không cần thiết.
  - (11) Đánh dấu chọn cách thức thí sinh biết đến kỳ thi Topik vào 1 trong 9 ô  có sẵn
  - (12) Đánh dấu chọn mục đích tham gia kỳ thi Topik của thí sinh vào 1 trong 10 ô  có sẵn
- **Ký tên và ghi rõ họ tên xác nhận việc đồng ý cho Ban tổ chức sử dụng thông tin cá nhân vào các mục đích liên quan kỳ thi Topik vào phần:**

**Applicant's name:**

**(signature)**

- (13) **Ngày thi, do Ban tổ chức điền**
- (14) **Số báo danh, do Ban tổ chức điền**
- (15) Điền cấp độ thi mà thí sinh đã chọn trong phần (1) (Topik I hoặc Topik II)
- (16) **Phần dành cho Ban tổ chức, thí sinh để trống**
- (17) **Địa điểm thi, do Ban Tổ chức điền**
- (18) Điền họ tên bằng tiếng Hàn và tiếng Việt không dấu (giống mục (4) & (5))
- (19) Điền giới tính của thí sinh (F: nữ, M: nam)
- (20) Điền năm tháng ngày sinh của thí sinh

- **Dán 2 ảnh (3cmx4cm) vào 2 ô trống “사진/ Photograph”**

- **Bấm CMND hoặc hộ chiếu bản copy vào phía trên mặt giấy này** 

## PHIẾU BÁO DANH

- **Số báo danh:** là dãy số gồm 12 chữ số, bắt đầu bằng **01301xxxxxxx**. Số báo danh là cơ sở để xác định **Phòng thi** và **chỗ ngồi**.
- Trình **Phiếu báo danh và CMND / hộ chiếu bản chính** khi vào phòng thi.
- Phiếu báo danh chỉ có giá trị khi được dán hình thí sinh (có đóng dấu giáp lai), và còn nguyên vẹn.